TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 135/2022/QĐST-HNGĐ	*Hội An, ngày 21 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 122/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1994.
Địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: phường C1, thành phố H, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L và bị đơn ông Lê Minh H.

II/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc L và ông Lê Minh H thống nhất thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

2) Về con chung: có 01 con chung tên Lê Trần Gia K, sinh ngày 26/4/2014.

- Sau khi ly hôn, bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Ông Lê Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng

2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 12/2022 đến khi cháu Lê Trần Gia K đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

- Ông Lê Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3) Về tài sản chung: Không có.

4) Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc L tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Minh H, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007351 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Q.

Bà Trần Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí.

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND xã Q, huyện S, tỉnh Q.
(Quyển số 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn